TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÁNH LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **93**/2023/DS-ST
Ngày: 08/12/2023.
V/v: *"Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hạ Hải Hồ.

Các hội thẩm nhân dân : 1. Ông Lưu Xuân Vĩnh.

2. Bà Đinh Thị Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Bá Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 282/2023/TLST – DS ngày 24/10/2023; về việc "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2023/QĐST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị B , sinh năm 1982. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị L , sinh năm 1975. Có mặt.

Cùng nơi cư trú: Thôn 7, xã Gia An, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Dương Thúy K, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn 5, xã Gia An, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

- Anh Hà Ngọc M, sinh năm 1975; nơi cư trú: Thôn 7, xã Gia An, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn – chị B trình bày:

Chị B khởi kiện, yêu cầu buộc vợ chồng chị L , anh Hà Ngọc Mỹ phải có nghĩa

vụ liên đới trả cho chị Bình số tiền vay gốc là **40.000.000 đồng** và yêu cầu tính lãi chậm trả phát sinh theo mức lãi suất do Bộ luật dân sự năm 2015 quy định. Bởi vì ngày 22/9/2022, chị Lan vay của chị Bình số tiền 40.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 4%/tháng và vay không có thời hạn, chị Lan viết giấy vay tiền chị Bình đã cung cấp cho Tòa án. Sau khi vay, chị Lan không trả lãi và tiền vay gốc cho chị Bình nên chị Bình mới khởi kiện để yêu cầu trả nợ theo quy định của pháp luật.

[2]. Theo lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên Tòa, bị đơn - chị L trình bày:

Chị L công nhận vào ngày 22/9/2022, chị Lan có vay của chị B số tiền gốc là 40.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả tiền gốc. Sau khi vay, chị Lan chưa trả lãi cho chị Bình. Số tiền chị Lan vay của chị Bình sau đó đưa lại cho chị Dương Thúy Kiều là người cháu gọi chị Lan bằng cô ruột. Chị Lan là người trực tiếp xác lập giao dịch vay tiền với chị Bình, nên hiện nay chị Bình khởi kiện và yêu cầu chị Lan thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì chị Lan đồng ý chứ không có ý kiến gì. Chị Lan sẽ tự giải quyết quan hệ vay tiền với chị Kiều theo quy định của pháp luật chứ không có yêu cầu độc lập với chị Kiều trong vụ án. Tuy nhiên, chị Lan chỉ đồng ý trả tiền nợ gốc đã vay cho chị Bình theo phương thức trả dần hàng tháng và xin không thực hiện nghĩa vụ trả lãi vì hiện nay điều kiện kinh tế của chị Lan đang gặp khó khăn.

Chị L vay tiền của chị B sau đó về đưa lại cho chị Dương Thúy Kiều chứ không sử dụng cho mục đích chi tiêu trong gia đình. Anh Hà Ngọc Mỹ chồng của chị Lan không tham gia vay tiền, cũng không sử dụng tiền vay, cũng không biết chị Lan vay tiền của chị Bình nên chị Lan cam kết có nghĩa vụ trả tiền đã vay cho chị Bình chứ không liên đới đến nghĩa vụ của anh Mỹ.

[3]. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

[3.1]. Chị Dương Thúy Kiều trình bày: Chị Dương Thúy Kiều công nhận ngày 22/9/2022, chị L trực tiếp vay của chị B số tiền 40.000.000 đồng, sau đó đưa lại cho chị Kiều và hàng tháng, chị Kiều có nghĩa vụ trả tiền lãi cho chị Bình. Chị Kiều không trực tiếp vay tiền của chị Bình nên hiện nay, chị Bình khởi kiện và yêu cầu chị Lan phải có nghĩa vụ trả tiền đã vay cho chị Bình là phù hợp với quy định của pháp luật, chị Kiều không có ý kiến gì. Theo yêu cầu khởi kiện của chị Bình thì chị Lan phải có nghĩa vụ trả tiền cho chị Bình, còn chị Kiều sẽ thực hiện nghĩa vụ trả tiền lại cho chị Lan thì sẽ đảm bảo được quyền lợi của cả chị Bình và chị Lan. Do đó chị Kiều không có yêu cầu độc lập gì với chị Bình và chị Lan trong, chị Kiều với chị Lan sẽ tự thỏa thuận giải quyết việc nợ nần giữa hai bên chứ không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

[3.2] Anh Hà Ngọc Mỹ trình bày: Anh Hà Ngọc Mỹ là chồng của chị L . Việc vay mượn tiền giữa chị Lan với chị Bình thì ông Mỹ không tham gia, không biết và cũng không sử dụng tiền chị Lan vay của chị Bình. Do vậy anh Mỹ xác định số tiền chị Lan

đã vay của chị Bình là nợ riêng của chị Lan chứ không phải nợ chung của vợ chồng nên không đồng ý liên đới nghĩa vụ trả tiền cho chị Bình.

[4]. Những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:

- Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp cho Tòa án bao gồm: Bản sao căn cước công dân; đơn đề nghị không tiến hành hòa giải đối thoại theo Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án, giấy nhận nợ và bản tự khai.

- Tài liệu, chứng cứ bị đơn cung cấp cho Tòa án: Bản sao căn cước công dân.

- Tài liệu, chứng cứ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cung cấp cho Tòa án: Bản sao căn cước công dân và đơn xin xét xử văng mặt.

- Chứng cứ do Tòa án tiến hành thu thập: Biên bản ghi lời khai của chị L , chị Dương Thúy Kiều và anh Hà Ngọc Mỹ.

[5]. Những vấn đề các đương sự thống nhất: Chị L công nhận vào ngày 22/9/2022 có vay của chị B số tiền 40.000.000 đồng, đến nay chưa trả.

[6]. Những vấn đề các đương sự không thống nhất: Các bên đương sự không thống nhất được với nhau về phương thức thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay gốc và tiền lãi chậm trả phát sinh.

[7]. Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Quá kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và đúng tư cách pháp lý của người tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tiến hành lấy lời khai, thu thập chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự về việc giải quyết vụ án. Gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử, hồ sơ và các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tống đạt các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên Tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc chị L phải có nghĩa vụ trả cho chị B số tiền 40.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật. Không chấp nhận yêu

cầu của chị B về việc buộc anh Hà Ngọc Mỹ phải liên đới nghĩa vụ với chị Lan trả tiền đã vay cho chị Bình. Buộc chị Lan phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu của chị Bình được chấp nhận; chị Bình phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe đương sự trình bày; nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên Tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – anh Hà Ngọc Mỹ vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt gửi đến Tòa án. Do đó, căn cứ vào Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Hà Ngọc Mỹ là phù hợp.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

[2.1] Trong quá trình tố tụng, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả nợ phát sinh từ các giao dịch dân sự vay tài sản. Ngoài ra, các đương sự không có yêu cầu nào khác. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật dân sự 2015; Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là *"Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"*.

[2.2] Tranh chấp dân sự quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; vụ án không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần phải ủy thác tư pháp; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều có nơi cư trú tại huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về yêu cầu trả số tiền vay gốc: Tại phiên Tòa, chị B và chị L đều công nhận vào ngày 22/9/2022, chị Lan có vay của chị Bình số tiền 40.000.000 đồng, đến nay chị Lan vẫn chưa thanh toán cho chị Bình. Chị Lan đồng ý trả số tiền còn thiếu này cho chị Bình nhưng hai bên không thống nhất được với nhau phương thức thanh toán nên sau khi hòa giải không thành, Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai. Như vậy, số tiền nợ gốc chị Bình yêu cầu chị Lan thanh toán đã được chị Lan thừa nhận, là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.2] Về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn:

Tại phiên Tòa, ngoài việc yêu cầu bên bị đơn phải trả tiền gốc đã vay thì chị B còn yêu cầu tính lãi phát sinh trên số tiền vay gốc 40.000.000 đồng, theo mức lãi suất do Bộ luật dân sự năm 2015 quy định; bởi vì khi thỏa thuận vay tiền, chị Bình và chị Lan có thỏa thuận lãi suất là 4%/tháng nhưng sau khi vay, chị Lan không trả lãi cho chị Bình

được tháng nào. Trong khi đó, chị L cho rằng khi vay tiền của chị Bình, hai bên có thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng và sau khi vay, chị Lan chưa trả lãi cho chị Bình.

Hội đồng xét xử nhận thấy căn cứ vào nội dung trình bày của các đương sự tại phiên Tòa và giấy vay tiền lập giữa hai bên do chị Bình cung cấp, có căn cứ để xác định đây là hợp đồng vay tài sản không có thời hạn, có thỏa thuận lãi suất nhưng không xác định rõ mức lãi và hai bên có tranh chấp về mức lãi suất với nhau. Do đó khi đến hạn mà bên vay không thực hiện trả tiền gốc thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất được quy định theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Như vậy yêu cầu tính lãi của chị Bình là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

Tại phiên Tòa, các đương sự đều xác định thời điểm sau cùng chị B thông báo cho chị L trả tiền vay gốc là tháng 10/2022 (sau một tháng kể từ thời điểm vay). Do đó, thời gian chậm trả để tính lãi được xác định là tháng 01/2023, tức là không quá 03 tháng kể từ thời điểm thông báo theo điểm a, khoản 3 Điều 6 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tiền lãi được tính cụ thể như sau: 40.000.000 đồng x 11 tháng x 0,83%/tháng (10%/năm) = **3.652.000 đồng.**

[3.3] Về nghĩa vụ trả tiền vay:

Tại phiên Tòa, chị B yêu cầu vợ chồng chị L , anh Hà Ngọc Mỹ phải liên đới nghĩa vụ thực hiện trả nợ gốc và lãi phát sinh cho chị Bình.

Tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng thể hiện ý kiến tại bút lục số 14 có trong hồ sơ, anh Hà Ngọc Mỹ trình bày đối với việc vay tiền giữa chị Lan với chị Bình, anh Mỹ không tham gia, không biết việc chị Lan vay tiền và cũng không sử dụng tiền vay. Trong khi đó, chị Lan xác định số tiền chị Lan vay của chị Bình sau đó đưa lại cho chị Dương Thúy Kiều chứ không phải vay cho chị Lan, chị Lan không sử dụng tiền vay vào mục đích chi tiêu sinh hoạt gia đình. Chị Kiều xác nhận nội dung chị Lan trình bày là đúng. Tại phiên Tòa, chị Bình cũng công nhận khi chị Lan đi vay tiền, chị Kiều cũng có mặt tham gia nhưng chị Bình không cho chị Kiều vay mà chỉ cho chị Lan vay. Như vậy, qua lời trình bày của các đương sự; Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định số tiền 40.000.000 đồng chị Lan vay của chị Bình vào ngày 22/9/2022 là nợ riêng của chị Lan chứ không phải nợ chung của vợ chồng chị Lan, anh Mỹ. Do đó chỉ cần buộc chị Lan phải có nghĩa vụ trả tiền vay gốc và tiền lãi phát sinh cho chị Bình là phù hợp với khoản 3 Điều 45 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[3.4] Như vậy, từ những phân tích trên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để chấp nhận một phần yêu cầu của chị B . Buộc chị L phải có nghĩa vụ trả cho chị Bình tổng số tiền là 43.652.000 đồng, trong đó có 40.000.000 đồng tiền vay gốc và 3.652.000 đồng tiền lãi phát sinh là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của chị B được chấp nhận một phần nên cần buộc chị L phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu được chấp nhận của chị Bình và buộc chị Bình phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[5] Về ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc chị L phải có nghĩa vụ trả cho chị B số tiền 40.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật. Không chấp nhận yêu cầu của chị B về việc buộc anh Hà Ngọc Mỹ phải liên đới nghĩa vụ với chị Lan trả tiền đã vay cho chị Bình. Buộc chị Lan phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu của chị Bình được chấp nhận; chị Bình phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận. Xét thấy ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh là có căn cứ và phù hợp nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 160, 161, 162, 203, 227, 228 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 3 Điều 45 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Khoản 2, khoản 4 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – chị B . Buộc chị L phải có nghĩa vụ trả cho chị B tổng số tiền 43.652.000 đồng, trong đó có 40.000.000 đồng tiền vay gốc và 3.652.000 đồng tiền lãi phát sinh.

- Không chấp nhận yêu cầu của chị B , về việc buộc anh Hà Ngọc M phải có nghĩa vụ liên đới với chị L trả tiền nợ vay gốc và lãi phát sinh cho chị Bình.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không

có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí:

Buộc chị L phải nộp **2.182.600** đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc chị B phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 1.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005298, ngày 24/10/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tánh Linh. Hoàn lại cho chị B 700.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 08/12/2023).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung (Đã giải thích quyền kháng cáo).

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- CC THADS h.Tánh Linh;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hạ Hải Hồ